

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình phục vụ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc nhiệm vụ Chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư nâng cao năng lực khoa học công nghệ của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (2026-2030)

1.2. Tên dự án: Chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư nâng cao năng lực khoa học công nghệ của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (2026-2030)

1.3. Địa điểm thực hiện: Xã Kiêu Phú, thành phố Hà Nội

1.4. Chủ đầu tư: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.

1.5. Thời gian hoàn thành: 60 ngày

1.6. Giá gói thầu: 1.524.800.000 đồng (Theo Quyết định số 45/QĐ-BTTNVN ngày 26/01/2026 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc nhiệm vụ Chuẩn bị đầu tư dự án Chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư nâng cao năng lực khoa học công nghệ của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (2026-2030) (với thuế VAT là 8%).

Do đó, để thuận tiện trong quá trình đánh giá, chấm thầu đối với gói thầu này, đề nghị các Nhà thầu tham gia dự thầu chào giá dự thầu, công việc (với thuế suất là 8%). Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu thanh toán thuế VAT > 8% (thực hiện tăng, giảm thuế VAT theo các quy định của Chính Phủ quy định chính sách tăng, giảm thuế giá trị gia tăng thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh tăng/giảm khấu trừ khoản chi phí phần thuế giảm đi ngay trên hồ sơ thanh toán của nhà thầu.

1.7. Quy mô

1.7.1. Phần thiết bị phục vụ nghiên cứu, phổ biến khoa học, lưu trữ, bảo quản, chế tác, trưng bày,: Đầu tư, lắp đặt các hệ thống thiết bị

- Hệ thống trang thiết bị nghiên cứu khoa học, phân tích, giám định mẫu vật;
- Hệ thống lưu trữ mẫu cố định;
- Hệ thống lưu trữ mẫu di động;
- Hệ thống bảo quản mẫu vật dạng khô;
- Hệ thống lưu trữ mẫu dung dịch;
- Hệ thống lưu trữ mẫu gen DNA;

- Hệ giá tử phục vụ phổ biến khoa học, trưng bày cố định;
- Hệ giá tử phục vụ phổ biến khoa học, trưng bày di động;
- Hệ thống thiết bị phục vụ chế tác;
- Hệ thống kiểm soát và cứu hộ các loài động thực vật;
- Hệ thống phục vụ nghiên cứu bảo tồn, bảo quản mẫu vật;
- Hệ thống thiết bị phục vụ phổ biến khoa học, học tập, hội thảo (Phòng chiếu, máy chiếu, âm thanh, tín hiệu...);
- Và các thiết bị liên quan khác;

1.7.2. Thực hiện giải phóng mặt bằng phần còn lại theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt;

1.7.3. Công trình giao thông:

- Hệ thống đường giao thông: Tổng chiều dài đường giao thông khoảng 3029m.
- Cầu: Bố trí, thiết kế 02 cầu vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép.

1.7.4. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- San nền;
- Hệ thống thoát nước mưa;
- Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường (bao gồm trạm xử lý nước thải);
- Hệ thống cấp nước và PCCC;
- Hệ thống cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt;
- Hệ thống thông tin liên lạc;

1.7.5. Công trình dân dụng:

- Khu trưng bày kết hợp học tập (1.2): Khối nhà 04 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng: 8.766 m²
- Kho dành cho bộ sưu tập mẫu vật quốc gia (02 nhà) (1.3): Hai khối nhà 05 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng: 5.938m²/1 nhà;
- Khối đón tiếp (2.1): Khối nhà 01 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng 224 m²;
- Khối trưng bày chuyên đề (2.2-2): Khối nhà 03 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng: 1.295 m² ;
- Khu dịch vụ phụ trợ (3.1): Khối tiền sảnh 01 tầng, một khối nhà 03 tầng tổng diện tích xây dựng khoảng: 1.450m² ;
- Khu dịch vụ đa năng (4): Khối tiền sảnh 01 tầng, hai khối nhà 03 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng: 5.956 m² ;
- Khu chế tác mẫu vật (7) (03 nhà) chế tác các mẫu vật lớn, nhỏ: Khối đế 02 tầng, 01 khối nhà 04 tầng, 02 khối nhà 03 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng: 10.350 m²;

1.7.6. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hồ điều hòa (mặt nước): gồm 04 hồ với tổng diện tích khoảng 111.542 m²;
- Bến thuyền: nằm tại hồ điều hòa số 2 với diện tích khoảng 403 m²
- Đảo nổi: diện tích khoảng 1.500 m²;
- Nhà chòi: có 10 loại với tổng diện tích khoảng 4.531 m²;
- Công viên đá vườn địa chất: gồm 2 khu với tổng diện tích khoảng 4.741 m²;
- Hang động núi đá nhân tạo: gồm 1 khu với tổng diện tích khoảng 3.428 m²;
- Khu trưng bày động vật: gồm 4 nhà với tổng diện tích khoảng 1.505 m²;
- Khu trưng bày thực vật: gồm 4 nhà với tổng diện tích khoảng 2.480 m²;
- Khu tập kết rác: gồm nhà tập kết rác với diện tích khoảng S=77 m² và đường vào sân gạch có diện tích khoảng S=302 m²;
- Đường dạo, sân lát gạch, bãi đỗ xe, cảnh quan cây xanh: Cảnh quan bên ngoài khu vực các công trình xây dựng công trình phù hợp với đặc trưng khu bảo tàng thiên nhiên tạo điểm nhấn cho dự án; Khu cây xanh tập trung; Khu rừng kín thường xanh. Các thông số kỹ thuật không vượt quá quy hoạch 1/500.
- Cổng ra vào: Tổng cộng có 4 cổng ra vào: gồm 3 cổng 7m và 1 cổng 16m.
- Tường rào: chiều dài khoảng 3.350m;
- Nhà thường trực: 04 nhà, diện tích khoảng 11 m²/1 nhà.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình phục vụ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc nhiệm vụ Chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư nâng cao năng lực khoa học công nghệ của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (2026-2030).

Nhà thầu tư vấn được lựa chọn phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ thực hiện của gói thầu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu các quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước.

II. Phạm vi công việc:

Phạm vi khảo sát địa chất:

Tại các ô đất:

- + Ô đất 1.2: Khối trưng bày kết hợp học tập
- + Ô đất 1.3: Kho dành cho bộ sưu tập mẫu vật quốc gia
- + Ô đất 3: Khu dịch vụ phụ trợ
- + Ô đất 4: Khu dịch vụ đa năng
- + Ô đất 10.5: Hang động, núi đá (nhân tạo)
- + Ô đất 13: Trạm xử lý nước
- + Ô đất 14: Cổng ra vào Bảo tàng

Phạm vi khảo sát địa hình:

Khu vực khảo sát tại xã Ngọc Liệp, xã Liệp Tuyết, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

Phạm vi khảo sát được giới hạn như sau:

Phía Bắc giáp : Thổ canh xã Ngọc Mỹ và thổ canh xã Ngọc Liệp;

Phía Đông giáp : thổ canh xã Ngọc Mỹ;

Phía Tây giáp : thổ canh xã Liệp Tuyết;

Phía Nam giáp : thổ canh xã Liệp Tuyết và thổ canh xã Ngọc Mỹ;

Tiêu chuẩn áp dụng

Công tác khảo sát công trình cần tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành sau:

- TCVN 4419:1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 9362:2012 - Thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9363:2012 - Khảo sát cho xây dựng – Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng;
- TCXD112-1984: Công tác khảo sát địa kỹ thuật về giai đoạn khảo sát; về vị trí, mật độ và độ sâu thăm dò;
- TCVN 9437: 2012 - Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.
- TCVN 9351:2012- Đất xây dựng, phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT);
- TCVN 4198:2014 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4199:2014 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4195:2012 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4196:2012 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4197:2012 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4200:2012 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 4202:2012 - Đất xây dựng, Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm;
- TCVN 2683:2012 - Đất xây dựng phương pháp lấy mẫu, đóng gói mẫu, vận chuyển và bảo quản;
- TCVN 9153:2012 - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất
- TCVN 8869-2011 – Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất

- TCVN 9398 – 2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5.000 (phần ngoài trời) ban hành kèm theo Quyết định số 248/KT ngày 9/8/1990 của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 43-90);

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:25.000 (phần trong nhà) ban hành kèm theo Quyết định số 247/KT ngày 9/8/1990 của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 42-90);

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5.000 ban hành kèm theo Quyết định số 1125/ĐDBĐ ngày 19/11/1994 của Tổng cục trưởng Tổng cục địa chính.

- Thông tư số 973/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN2000;

- TCVN 9401:2012 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và Xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác hiện hành của Nhà nước và của các Bộ, Ngành.

- TCVN 9398 – 2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5.000 (phần ngoài trời) ban hành kèm theo Quyết định số 248/KT ngày 9/8/1990 của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 43-90);

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:25.000 (phần trong nhà) ban hành kèm theo Quyết định số 247/KT ngày 9/8/1990 của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 42-90);

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 đến 1:5.000 ban hành kèm theo Quyết định số 1125/ĐDBĐ ngày 19/11/1994 của Tổng cục trưởng Tổng cục địa chính.

- Thông tư số 973/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN2000;

- TCVN 9401:2012 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và Xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- Quy phạm xây dựng lưới tam giác nhà nước hạng I, II, III và IV của Cục đo đạc và Bản đồ nhà nước (Tổng cục địa chính) ban hành năm 1976.

- Quy phạm xây dựng lưới độ cao nhà nước hạng I, II, III và IV của Cục đo đạc và bản đồ nhà nước ban hành ngày 01/4/1990.

- TCXDVN 9401:2012 “Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình”.

- Quy trình khảo sát đường ô tô: 22 TCN 263-2000;

- Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và

Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000;

- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Và các tiêu chuẩn có liên quan khác.

1.1 Khối lượng công việc thực hiện công tác khảo sát theo Bảng sau:

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Khảo sát địa chất phục vụ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi (tại vị trí XD các công trình diện tích khoảng 34,6ha)		
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	58,0000
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	252,3000
3	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	14,5000
4	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	58,0000
5	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	252,3000
6	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ	m khoan	14,5000

	0m đến 60m. Cấp đất đá IV-VI		
7	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	150,0000
8	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	1 lần TN	9,0000
9	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu độ pH	1 chỉ tiêu	1,0000
10	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4-2	1 chỉ tiêu	1,0000
11	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng ion Cl-	1 chỉ tiêu	1,0000
12	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Clorua	1 chỉ tiêu	1,0000
13	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Nitrit, Nitrat	1 chỉ tiêu	1,0000
14	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Amôniac	1 chỉ tiêu	1,0000
15	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu tổng lượng muối hòa tan	1 chỉ tiêu	1,0000
16	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng chì, đồng, kẽm, Mangan, Sắt và chất hữu cơ tự do khác	1 chỉ tiêu	1,0000
17	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	90,0000
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	90,0000
19	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	90,0000
20	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	90,0000
21	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	90,0000
22	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	90,0000

23	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	90,0000
24	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	90,0000
25	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	14,0000
26	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	14,0000
27	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	14,0000
28	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	14,0000
29	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	14,0000
30	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	2,0000
31	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ hút nước của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	2,0000
32	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	2,0000
33	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hệ số hóa mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	1 chỉ tiêu	2,0000
34	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ rỗng của đá nguyên khai (cho 1 lần làm KLR hoặc KLTT)	1 chỉ tiêu	2,0000
II	Khảo sát địa hình phục vụ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi (tại phần diện tích khoảng 34,6ha)		
1	Đo lưới không chế mặt bằng. Tam	điểm	2,0000

	giác hạng 4. Bộ thiết bị GPS (3 máy)		
2	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	1,0000
3	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình III	km	10,0000
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình III	ha	34,6000
5	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	26,6600
6	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình III	100m	38,8700

1.2 Mục tiêu khảo sát xây dựng:

Mục đích khảo sát địa chất:

- Cung cấp các tài liệu khảo sát địa chất phục vụ giai đoạn thiết kế cơ sở của công trình.
- Cung cấp các lát cắt địa chất công trình, phân chia ranh giới các lớp đất đá phục vụ công tác thiết kế và lập dự toán.
- Xác định mực nước ổn định dưới đất.
- Xác định sự phân bố các lớp đất đá theo bình diện và theo chiều sâu.
- Xác định các đặc trưng cơ lý của các lớp đất và các tính chất khác nhau của khu vực.
- Đánh giá sức chịu tải cũng như tính nén lún của từng lớp đất trong khu vực khảo sát.
- Kiến nghị các biện pháp xử lý.

Mục đích khảo sát địa hình:

Công tác đo đạc thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 nhằm mục đích phục vụ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án: Đầu tư nâng cao năng lực khoa học công nghệ của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (2026-2030);

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo hợp đồng này phải phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư quy định trong E-HSMT và

tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế, các quy định về tiêu chuẩn của nhà nước.

- Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp hồ sơ đúng theo thời gian quy định trong hợp đồng. Tổng thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày. Tiến độ thực hiện gói thầu cụ thể như sau:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu phải hoàn thành dự thảo Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát đo đạc địa hình;

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu phải hoàn thành dự thảo Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát địa chất;

+ Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhà thầu phải hoàn thành đủ Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm tư vấn của mình trước các cấp có thẩm quyền.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí. Nhà thầu phải bố trí nhân sự đủ theo số lượng và chất lượng theo yêu cầu tại phần Nhân sự của Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật Chương III.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho đơn vị tư vấn các tài liệu làm cơ sở thiết kế, đo đạc cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.